

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

HÀ NỘI, NGÀY 25 THÁNG 06 NĂM 2021

M

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
LỜI NÓI ĐẦU	6
CHƯƠNG I	6
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Định nghĩa.....	6
Điều 2. Nguyên tắc giải thích	7
CHƯƠNG II.....	7
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 3. Tên gọi, Loại hình tổ chức hoạt động, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Người đại diện theo pháp luật và Thời hạn hoạt động của Công Ty	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động	8
CHƯƠNG III	11
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	11
Điều 5. Quyền của Công Ty	11
Điều 6. Trách nhiệm của Công Ty.....	12
CHƯƠNG IV	13
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU	13
Điều 7. Vốn Điều Lệ.....	13
Điều 8. Quyền và trách nhiệm của các Cổ Đông	14
Điều 9. Cổ Đông sáng lập	16
Điều 10. Cổ Đông phổ thông	16
Điều 11. Cổ Phần ưu đãi.....	18
Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông.....	19
CHƯƠNG V	20
CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN.....	20
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	20

Điều 14.	Thu hồi Cổ Phần	20
Điều 15.	Mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của các Cổ Đông.....	21
Điều 16.	Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công Ty	22
Điều 17.	Thời hạn thanh toán và từ chối mua lại Cổ Phần	22
CHƯƠNG VI		22
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT		22
Điều 18.	Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công Ty	22
CHƯƠNG VII.....		23
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		23
Điều 19.	Quyền hạn của ĐHĐCĐ	23
Điều 21.	Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ	25
Điều 22.	Triệu tập họp ĐHĐCĐ, Chương trình và Thông báo họp ĐHĐCĐ.....	26
Điều 23.	Điều kiện triệu tập và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ	27
Điều 24.	Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	29
Điều 25.	Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.....	31
Điều 26:	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	32
CHƯƠNG VIII		32
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		32
Điều 27.	Thành phần và nhiệm kỳ.....	32
Điều 28.	Quyền và trách nhiệm của HĐQT.....	33
Điều 29.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT	35
Điều 31.	Cuộc họp HĐQT	37
CHƯƠNG IX		40
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....		40
Điều 32.	Tổ chức hoạt động.....	40
Điều 33.	Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Doanh Nghiệp và Thư ký Công Ty.....	40
Điều 34.	Lao động	42

CHƯƠNG X.....	43
NHIỆM VỤ CỦA các THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT viên, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	43
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 36. Giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan, Cổ Đông, Người Quản Lý và Người có liên quan của các đối tượng này	43
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường.....	44
CHƯƠNG XI	44
BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 38. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát.....	44
CHƯƠNG XII.....	46
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	46
Điều 39: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	46
CHƯƠNG XIII	47
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	47
Điều 40. Cổ tức.....	47
CHƯƠNG XIV.....	48
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	48
Điều 41. Tài khoản Ngân hàng.....	48
Điều 42. Năm tài chính.....	48
Điều 43. Báo cáo và Chế độ Kế toán.....	48
Điều 44. Đầu tư Tài chính trong tương lai.....	48
Điều 45: Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều Lệ.....	48
CHƯƠNG XV	49
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	49
Điều 46. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	49
Điều 47. Kiểm toán.....	49
Điều 48. Con dấu	50
Điều 49. Bảo mật	50

CHƯƠNG XVI.....	51
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ.....	51
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	51
Điều 51. Gia hạn thời hạn hoạt động.....	51
Điều 52. Thanh lý	51
Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ Đông.....	52
CHƯƠNG XVII.....	52
THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	52
Điều 54. Thông báo.....	52
Điều 55. Giải quyết tranh chấp.....	53
CHƯƠNG XVIII	53
SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	53
Điều 56. Sửa đổi bổ sung Điều Lệ.....	53
Điều 57. Ngày hiệu lực	54

LỜI NÓI ĐẦU

Điều Lệ của Công ty Cổ phần Vinhomes (“**Công Ty**”), một công ty cổ phần được thành lập hợp pháp cùng các quy định của pháp luật và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành một cách hợp lệ, đưa ra các quy định ràng buộc và nguyên tắc cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều Lệ này gồm 57 điều, 18 chương sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”) được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 25/07/2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định khác, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

“**BKS**” có nghĩa là Ban Kiểm Soát của Công Ty.

“**Người Điều Hành Doanh Nghiệp**” là các cán bộ giữ vị trí Tổng Giám Đốc (“**TGD**”), Phó TGD, Kế Toán Trưởng và các vị trí khác trong Công Ty thuộc thẩm quyền HĐQT phê chuẩn.

“**Công Ty**” là gọi tắt của Công ty Cổ phần Vinhomes.

“**Công Ty Con**” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công Ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều Lệ hoặc tổng số Cổ Phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị và TGD, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của công ty đó.

“(các) **Cổ Đông**” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công Ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần.

“**Cổ Đông Lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

“**Cổ Phần**” có nghĩa là một cổ phần trong vốn cổ phần của Công Ty bao gồm (các) Cổ Phần phổ thông và (các) Cổ Phần ưu đãi (nếu có).

“**Đại Diện Theo Ủy Quyền**” là bất kỳ người nào được một Cổ Đông ủy quyền bằng văn bản để nhân danh Cổ Đông đó thực hiện các quyền của Cổ Đông đó theo quy định của Pháp Luật.

“**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty.

“**HĐQT**” có nghĩa là Hội Đồng Quản Trị của Công Ty.

“**Kiểm Soát Viên**” hoặc “**KSV**” có nghĩa là kiểm soát viên của Công Ty.

“**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“Ngày Thành Lập” là ngày mà Công Ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp lần đầu.

“Người Có Liên Quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.23 Luật Doanh Nghiệp và Điều 4.46 Luật Chứng Khoán.

“Người Được Ủy Quyền Dự Hợp” có nghĩa là bất kỳ người nào, kể cả người giữ vị trí chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ mà được ủy quyền bởi một Cổ Đông cá nhân, một Đại Diện Theo Ủy Quyền, hoặc một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức trong trường hợp Cổ Đông đó không có Đại Diện Theo Ủy Quyền để tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

“Người Quản Lý Doanh Nghiệp” có nghĩa như được quy định tại Điều 4.24 Luật Doanh Nghiệp.

“Pháp Luật” là tất cả các luật hiến pháp, hiệp ước, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế (bao gồm và không hạn chế ở quy định và quy chế của bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào mà tại đó cổ phiếu của Công Ty được niêm yết), quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy định, lệnh, nghị quyết hoặc bất kỳ các giải thích nào có giá trị pháp lý ràng buộc của tất cả các văn bản nói phía trên bởi bất kỳ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan được ban hành và công bố và được áp dụng đối với Công Ty và được sửa đổi tại từng thời điểm.

“Sở Giao Dịch Chứng Khoán” là nơi giao dịch chính thức kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác mà tại đó cổ phiếu của Công Ty được niêm yết.

“Sổ Đăng Ký Cổ Đông” có nghĩa là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

“Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

“VND” hoặc “Việt Nam Đồng” là đồng tiền hợp pháp của nước Việt Nam.

“Vốn Điều Lệ” có nghĩa là phần vốn mà các Cổ Đông đóng góp theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.

“VSD” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc giải thích

- 2.1. Trong Điều Lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- 2.2. Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.
- 2.3. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp sẽ (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Tên gọi, loại hình tổ chức hoạt động, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công Ty

- 3.1. Tên Công Ty:

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

Tên giao dịch tiếng Anh: VINHOMES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: VINHOMES ., JSC

3.2. Công Ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành. Trong quá trình hoạt động, Công Ty phải tuân thủ Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ này. Trách nhiệm của các Cổ Đông đối với các bên thứ ba chỉ giới hạn trong phần vốn góp của mình trong tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty. Công Ty là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ Đông, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng khác. Công Ty hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều Lệ hiện tại, Pháp Luật và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.

3.3. Trụ sở chính của Công Ty: Tòa nhà Văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 - 39749350

3.4. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

Công Ty có tối đa năm (05) người đại diện theo pháp luật gồm: Chủ tịch HĐQT, TGD, các Phó TGD phụ trách an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, xây dựng và các hoạt động hàng ngày khác của Công Ty, trong đó:

- a) Chủ tịch HĐQT, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này, có quyền đại diện Công Ty trong các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các giao dịch khác theo phân công của HĐQT.
- b) TGD có các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong các hoạt động của Công Ty (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Chủ tịch HĐQT và các Phó TGD) và công việc khác theo phân công của HĐQT.
- c) Các Phó TGD có các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công Ty trong các công việc, hoạt động của Công Ty liên quan đến lĩnh vực an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ; xây dựng và các lĩnh vực khác của Công Ty theo phân công của HĐQT.

Người đại diện theo pháp luật có quyền quyết định các hợp đồng; giao dịch hoặc bồi thường và các hợp đồng khác thuộc lĩnh vực mình phụ trách có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ/HĐQT.

Giao cho HĐQT quy định số lượng, phân công nhiệm vụ chi tiết của từng đại diện theo pháp luật phù hợp với Điều Lệ, quy định của pháp luật và hoạt động thực tế của Công Ty.

3.5. Công Ty có thể, theo Nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp Luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công Ty.

3.6. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn. Công Ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

4.1. Công Ty được phép hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn, trong các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, hoạt động quản lý nhà, chung cư	6810 (chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.	6820
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng	4610
4.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
5.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý	7020
6.	Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Dịch vụ xử lý nước thải	3700
7.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Chi tiết: Dịch vụ xử lý rác thải	3821
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	4290
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Công tác lắp dựng và lắp đặt	4329
10.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO) (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018)	4690
11.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật (trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO) (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018)	4773
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn	5510
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn	5621
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ cung cấp đồ uống	5630
15.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
16.	Sản xuất nước uống không cồn, nước khoáng	1104
17.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)	0899
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672), dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) (ngoại trừ dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch	7110

	phát triển ngành).	
22.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
23.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình điện	4221
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
28.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29.	Phá dỡ	4311
30.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (Ngoại trừ dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp). Việc tiếp cận một số khu vực địa lý nhất định có thể bị hạn chế.	0161
35.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
36.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
38.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO	4791
40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO	4799
41.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO	4752
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO	4759
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO	4753
44.	Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở	4101 4102
45.	Đào tạo sơ cấp (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8531
46.	Đào tạo trung cấp (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8532
47.	Đào tạo cao đẳng (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8533
48.	Giáo dục tiểu học (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ	8521

	quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	
49.	Giáo dục nhà trẻ (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8511
50.	Giáo dục mẫu giáo (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8512
51.	Giáo dục trung học cơ sở (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8522
52.	Giáo dục trung học phổ thông (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động cơ sở giáo dục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	8523

- 4.2. ĐHĐCĐ quyết định thay đổi hoặc mở rộng phạm vi kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5. Quyền của Công Ty

Công Ty có quyền:

- 5.1. Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ Đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công Ty.
- 5.2. Trừ khi bị Pháp Luật nghiêm cấm, cấp vốn cho các Công Ty Con, các công ty phụ thuộc và liên quan dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Công Ty, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản.
- 5.3. Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công Ty. Phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các Công Ty Con để đảm bảo hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.
- 5.4. Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm, mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công Ty và nhu cầu thị trường.
- 5.5. Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các Công Ty Con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công Ty.
- 5.6. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.
- 5.7. Chia tách, sáp nhập, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công Ty.
- 5.8. Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công Ty.

W

- 5.9. Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp Luật.
- 5.10. Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.
- 5.11. Quyết định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp một số sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quyết định.
- 5.12. Sử dụng vốn và quỹ của Công Ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
- 5.13. Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp Luật. Phụ thuộc vào phạm vi hoạt động kinh doanh của Công Ty và theo quy định của Pháp Luật, Công Ty có thể niêm yết, hủy niêm yết cổ phiếu của mình trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 5.14. Thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác phù hợp với Pháp Luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
- 5.15. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ Đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quyết định của ĐHĐCĐ.
- 5.16. Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
- 5.17. Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.
- 5.18. Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư và nhà thầu để giúp đỡ Công Ty.
- 5.19. Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Pháp Luật.
- 5.20. Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp, ký kết các thỏa thuận, văn bản hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công Ty và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 5.21. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Công Ty

Công Ty chịu trách nhiệm:

- 6.1. Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ Đông về kết quả kinh doanh của Công Ty và (ii) khách hàng của mình và Pháp Luật về các sản phẩm và dịch vụ do Công Ty cung cấp.
- 6.2. Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công Ty cũng như nhu cầu của thị trường.

- 6.3. Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.
- 6.4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công Ty thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.
- 6.5. Tuân thủ các quy định Pháp Luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
- 6.6. Tuân thủ các Chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.
- 6.7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp Luật.
- 6.8. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.9. Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về Chế độ báo cáo tài chính, thống kê – kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp Luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực trong các báo cáo tài chính của Công Ty.
- 6.10. Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Công Ty.
- 6.11. Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Công Ty.
- 6.12. Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Công Ty theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp Luật.
- 6.13. Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.
- 6.14. Tuân thủ mọi điều khoản của Điều Lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều Lệ của Công Ty.
- 6.15. Tuân thủ pháp luật và các quy định của Việt Nam điều chỉnh việc niêm yết tại nước ngoài, cũng như các quy chế và quy định của các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 6.16. Trong trường hợp hủy niêm yết cổ phiếu của mình trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán nước ngoài (nếu có), Công Ty sẽ có một cách thức hoàn trả tiền mặt cho các Cổ Đông sở hữu các cổ phiếu bị hủy niêm yết và sẽ chỉ định một tổ chức tư vấn tài chính độc lập để tư vấn về đề xuất thoái vốn.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn Điều Lệ

- 7.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty tại thời điểm thông qua Điều Lệ là: **33.495.139.180.000** (Bằng chữ: *Ba mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi lăm tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam*). Công Ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.

Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành **3.349.513.918** Cổ Phần phổ thông với mệnh

giá là 10.000 VNĐ/Cổ Phần. Các Cổ Phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm Cổ Phần phổ thông. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.

- 7.2. Vốn Điều Lệ của Công Ty có thể được góp bằng tiền, cổ phiếu, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- 7.3. Số cổ phần được quyền chào bán của Công Ty là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ Phần. Giá bán Cổ Phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:
- a) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số Cổ Phần họ hiện đang nắm giữ trong Công Ty;
 - b) Cổ Phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ;
 - c) Cổ Phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ Phần ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHĐCĐ phê chuẩn;
 - d) Các trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 7.4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần phổ thông mà Cổ Đông đó đang nắm giữ. Trình tự, thủ tục chào bán Cổ Phần cho các Cổ Đông hiện hữu được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua Cổ Phần của mình cho người khác. Số Cổ Phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các Cổ Phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 7.5. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ Phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán hoặc định đoạt theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 7.6. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ Phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.
- 7.7. Vốn Điều Lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công Ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp Luật sẽ được áp dụng.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của các Cổ Đông

- 8.1. Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:
- a) Tuân thủ Điều Lệ của Công Ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, quy chế quản trị và các văn bản khác do Công Ty ban hành;
 - b) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đăng ký mua và phù hợp với các thủ tục yêu cầu; và
 - c) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ Phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị Cổ Phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
 - d) Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và Pháp Luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.
- 8.2. Mỗi Cổ Phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại Cổ Phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ Phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông.
- 8.3. Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công Ty và của các Cổ Đông khác, đồng thời có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.
- 8.4. Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền nhân danh mình thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Công Ty theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ Phần và số phiếu bầu đại diện bởi mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Trong trường hợp Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức không xác định số Cổ Phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền, số Cổ Phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền.
- 8.5. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ chỉ có hiệu lực nếu được thông báo bằng văn bản đến Công Ty ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Pháp Luật, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông;
 - b) Số lượng Cổ Phần, loại Cổ Phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - d) Số Cổ Phần Đại Diện Theo Ủy Quyền đó được Ủy quyền đại diện;
 - e) Thời hạn được ủy quyền của Đại Diện Theo Ủy Quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; và
 - f) Họ, tên và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật (hoặc chức vụ tương đương) của Cổ Đông đó.

Điều 9. Cổ Đông sáng lập

- 9.1. Tên, địa chỉ, số lượng Cổ Phần phổ thông và các chi tiết khác về các Cổ Đông sáng lập được quy định tại Phụ lục 1 và là một phần của Điều Lệ này.
- 9.2. Do đã quá thời hạn ba (03) năm kể từ Ngày Thành Lập, tất cả các hạn chế đối với Cổ Phần phổ thông do các Cổ Đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ.

Điều 10. Cổ Đông phổ thông

- 10.1. Người sở hữu Cổ Phần phổ thông được gọi là Cổ Đông phổ thông.
- 10.2. Các Cổ Đông phổ thông có quyền:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội trong các cuộc họp ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ Phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c) Được ưu tiên mua Cổ Phần mới chào bán của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần của mình trong Công Ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng Cổ Phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;
 - e) Xem xét, trích lục các thông tin trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông; kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, sổ biên bản của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g) Trong trường hợp Công Ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;
 - h) Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
 - i) Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp ĐHĐCĐ (nếu có);
 - j) Được đối xử công bằng, bình đẳng;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, cụ thể: trong trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông, Cổ Đông có quyền đề nghị hủy Nghị quyết đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
 - m) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.

- 10.3. Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ từ 05% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 10.2 của Điều này còn có các quyền sau:
- a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công Ty;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ Phần và thời điểm đăng ký Cổ Phần của từng cổ đông, tổng số Cổ Phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ Phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại Cổ Phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 10.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.
 - c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và các cổ đông khác đề cử.
- 10.5. Các Cổ Đông phổ thông của Công Ty có các nghĩa vụ sau:
- a) Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

- v. Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện, hình thức khác đến được Người phụ trách quản trị Công Ty.
- b) Thanh toán đủ tiền mua Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục, thời hạn quy định;
- c) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị Cổ Phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- d) Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Công Ty;
- e) Chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- f) Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- g) Cổ Đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm Pháp Luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.

10.6. Cổ Phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ Phần ưu đãi.

Điều 11. Thay đổi các quyền

- 11.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ Phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu Cổ Phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số Cổ Phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số Cổ Phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 11.2. Việc tổ chức một cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại Cổ Phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có Cổ Đông (hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các Cổ Phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ Phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ Phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp

của các Cổ Đông nắm giữ Cổ Phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ Phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ Phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 11.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp ĐHCĐ riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều Lệ này.
- 11.4. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ Phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ Phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các Cổ Phần cùng loại.

Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông

- 12.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ Phần của Công ty. Cổ Phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
- 12.2. Cổ Đông của Công Ty được cấp Cổ Phiếu tương ứng với số Cổ Phần và loại Cổ Phần sở hữu.
- 12.3. Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng một số Cổ Phần trong tổng số Cổ Phần được quy định trong một chứng nhận Cổ Phiếu, thì chứng nhận Cổ Phiếu cũ sẽ được hủy bỏ và thay thế bởi một chứng nhận Cổ Phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần còn lại.
- 12.4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ Phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu Cổ Phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót gây ra.
- 12.5. Trường hợp Cổ Phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công ty cấp lại Cổ Phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về Cổ Phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ Phiếu mới.
- 12.6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty (không phải là các thư chào bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu tương tự khác), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến chứng chỉ quy định khác, phải được ban hành với con dấu (nếu có) và chữ ký của TGD, người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 12.7. Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
- 12.8. Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty được duy trì và cập nhật để ghi nhận các thông tin của Cổ Đông sở hữu Cổ Phần đã được đăng ký với VSD;
- 12.9. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công Ty/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông tại VSD.

Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không

chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 13. Chuyển nhượng Cổ Phần

- 13.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 13.7 của Điều này và Pháp Luật có quy định khác, tất cả các Cổ Phần đều có thể được tự do chuyển nhượng.
- 13.2. Việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng Cổ Phần được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông/Danh sách người sở hữu chứng khoán hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD (trường hợp Cổ Phần đã lưu ký tại VSD). Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng ký Cổ Đông/Danh sách người sở hữu chứng khoán mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.
- 13.3. Tất cả các Cổ Phần đã được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 13.4. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phiếu nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 13.5. Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó trở thành Cổ Đông của Công Ty. Trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ Đông đó được giải quyết theo quy định của Pháp Luật về dân sự.
- 13.6. Khi một Cổ Đông là một pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ Phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 13.7. Cổ Phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận Cổ Phần phát hành thêm để tăng vốn Cổ Phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua Cổ Phần mới chào bán.

Điều 14. Thu hồi Cổ Phần

- 14.1. Nếu một Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thanh toán đến hạn liên quan đến Cổ Phần, HĐQT có thể vào bất kỳ thời điểm nào, gửi thông báo tới Cổ Đông đó yêu cầu thực hiện ngay việc thanh toán khoản tiền chưa thanh toán cộng với tiền lãi cộng dồn trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh mà Công Ty phải chịu do việc không thanh toán đúng hạn gây ra.
- 14.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (không ít hơn bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán được yêu cầu phải hoàn tất và sẽ quy định rằng trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện theo nội dung thông báo, thì số Cổ Phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 14.3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện, bất kỳ Cổ Phần nào liên quan tới thông báo đó có thể bị thu hồi theo nghị quyết của HĐQT tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản chưa được thanh toán. Việc thu hồi bao

gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với Cổ Phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp thuận việc giao nộp lại các Cổ Phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.

- 14.4. Cổ Phần bị thu hồi hoặc được giao nộp lại được coi là các Cổ Phần được quyền chào bán của Công Ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
- 14.5. Cổ Đông sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc giao nộp lại sẽ bị chấm dứt tư cách Cổ Đông đối với số Cổ Phần đó, nhưng vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty mọi khoản tiền tính cho tới ngày thu hồi hoặc giao nộp cho số Cổ Phần đó, cùng với tiền lãi do HĐQT xác định kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho tới ngày thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị Cổ Phần bị thu hồi vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc miễn trừ toàn bộ hoặc một phần việc thanh toán số tiền đó.
- 14.6. Khi Cổ Phần đã bị thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi cho người nắm giữ Cổ Phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của các Cổ Đông

- 15.1. Các Cổ Đông biểu quyết phản đối các Nghị quyết về tổ chức lại Công Ty hoặc các Nghị quyết thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông đó, số lượng Cổ Phần, giá chào bán và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong khoản này.
- 15.2. Công Ty sẽ mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp Công Ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định của pháp luật chứng khoán. Cổ Phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, hoặc nếu giá trị trường không xác định được, thì giá mua lại sẽ được xác định ít nhất bằng giá mua của Cổ Phần đó.
- 15.3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, các bên có thể tham vấn một tổ chức định giá chuyên nghiệp hoặc một bên thích hợp cho mục đích xác định giá phù hợp với các quy định của Pháp Luật định giá. Trong trường hợp này, giá mua lại Cổ Phần sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được phê duyệt và kiểm toán của Công Ty. Trong vòng năm (5) ngày, kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối, thì giá mua lại sẽ được coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp Cổ Đông đó phản đối, thì Cổ Đông đó phải gửi văn bản tới Công Ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó Công Ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá mua lại đã được xác định theo khoản này và chấm dứt tất cả các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Cổ Phần được mua lại. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì Cổ Đông đó có thể đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam theo quy định tại Điều 55 của Điều Lệ này.

Điều 16. Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công Ty

Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ Phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số Cổ Phần ưu đãi cổ tức đã bán. Trình tự thực hiện mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công ty trong trường hợp này thực hiện theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành tùy từng thời điểm.

Điều 17. Thời hạn thanh toán và từ chối mua lại Cổ Phần

- 17.1. Công Ty sẽ chỉ thực hiện việc thanh toán đối với việc mua lại Cổ Phần theo quy định tại Điều 15 và 16 nêu trên cho các Cổ Đông, nếu sau khi hoàn thành việc thanh toán cho các Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn có khả năng đảm bảo chi trả mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 17.2. Cổ Phần được mua lại theo Điều 15 và 16 nêu trên sẽ được coi là Cổ Phần chưa bán theo quy định tại Điều 112.4 Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký giảm Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các Cổ Phần được Công Ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ Phần.
- 17.3. Chứng chỉ cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng chỉ cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.
- 17.4. Khi thực hiện thanh toán đầy đủ cho việc mua lại Cổ Phần, nếu tổng giá trị các tài sản ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%), thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cho số Cổ Phần mua lại.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công Ty

Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công Ty như sau:

- 18.1. **ĐHĐCĐ:** bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;
- 18.2. **HĐQT:** là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc/và quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông;
- 18.3. **BKS:** là cơ quan giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công Ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 18.4. **TGD:** là người đại diện theo pháp luật và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT, BKS và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VII

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền hạn của ĐHĐCĐ

19.1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều Lệ này.

19.2. ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- c) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả hoạt động của HĐQT, TGD;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;
- e) Báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- f) Mức cổ tức của từng loại Cổ Phần;
- g) Định hướng phát triển Công Ty và giao HĐQT tiến hành triển khai thực hiện. Để tránh hiểu nhầm, ĐHĐCĐ sẽ không quyết định kế hoạch phát triển trung hạn của Công Ty;
- h) Loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần của từng loại được quyền chào bán và giao cho HĐQT quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán Cổ Phần hoặc các loại chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty, kể cả phương án chào bán và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ, phương án hoán đổi, hay phương án chào bán chứng chỉ lưu ký;
- i) Số lượng thành viên của HĐQT và BKS; Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- j) Chế độ thù lao cho HĐQT và BKS; Báo cáo thù lao của HĐQT và BKS;
- k) Bổ sung, sửa đổi Điều Lệ Công Ty, trừ trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều Lệ để điều chỉnh Vốn Điều Lệ theo kết quả chào bán hoặc do bán thêm Cổ Phần mới trong phạm vi số lượng Cổ Phần được quyền chào bán hoặc theo kết quả chuyển đổi hoặc hoán đổi các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty đã được phát hành của Công Ty, việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ Công Ty trong trường hợp này sẽ do HĐQT quyết định;
- l) Xem xét các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;
- m) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- n) Mua lại trên 10% tổng số Cổ Phần đã bán của mỗi loại;
- o) Tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công Ty;

- p) Khi cần thiết, ĐHĐCĐ tự mình hoặc theo đề xuất của HĐQT, có thể giao lại cho HĐQT quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại điều này;
- q) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
- r) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- s) Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 36.3 và Khoản 36.4 Điều 36 Điều Lệ này.
- t) Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 20. Cuộc họp ĐHĐCĐ

20.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ Đông tại cuộc họp; trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công Ty.

Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

20.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- i. HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công Ty. Có thể là trường hợp mà các Kiểm Toán Viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công Ty và thông báo với HĐQT;
- ii. Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính 6 tháng, hoặc báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng vốn chủ sở hữu đã mất đi một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- iii. Khi số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, KSV ít hơn số lượng quy định bởi Pháp Luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều Lệ này;
- iv. Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Điều 10.3 có yêu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do, mục đích của buổi họp, được ký bởi các Cổ Đông đó (đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các Cổ Đông đó); và

- v. BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép.
- 20.3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc KSV còn lại như quy định tại Khoản 20.2 (iii) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 20.2(iv), (v) của Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Nếu BKS không triệu tập được cuộc họp đó, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.3 có quyền thay thế HĐQT, BKS để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 20.4. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ Đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ

- 21.1. Cổ Đông là thể nhân hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đủ điều kiện tham dự ĐHĐCĐ có thể tham gia họp trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một (1) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Hợp (nếu được Pháp Luật cho phép) tham dự và biểu quyết nhân danh mình. Cổ Đông là tổ chức không có Đại Diện Theo Ủy Quyền theo quy định tại Điều 8.4 của Điều Lệ này thì có quyền ủy quyền cho một (1) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Hợp, nếu được Pháp Luật cho phép, để tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có thể có ý kiến khác nhau đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không nhất thiết phải là một Cổ Đông. Người được Cổ Đông ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ không được phép ủy quyền lại cho người khác, đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết nhân danh chính mình.
- 21.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng CổPhân được ủy quyền và:
- Trong trường hợp người ủy quyền là Cổ Đông là cá nhân, thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp; và
 - Trong trường hợp người ủy quyền là Cổ Đông là tổ chức hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức, thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu (nếu có) hoặc ký bởi người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp.
- 21.3. Giấy ủy quyền sẽ được gửi tới địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng ít nhất là bốn mươi tám (48) tiếng trước khi tổ chức cuộc họp hoặc cuộc họp mà trước đây đã bị hoãn mà người có tên trên văn bản đó phải có mặt để biểu quyết. Giấy ủy quyền được coi là gửi tới Công Ty một cách hợp lệ nếu được gửi tới số fax tại địa chỉ văn phòng được đăng ký của Công Ty hoặc tới số fax hoặc thư điện tử tại địa chỉ nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp.
- 21.4. Phiếu biểu quyết của một người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;

- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

- 21.5. Trong trường hợp, tại một cuộc họp ĐHĐCĐ, một người là (i) Đại Diện Theo Ủy Quyền cho nhiều Cổ Đông và/hoặc (ii) Người Được Ủy Quyền Dự Họp của nhiều Cổ Đông và/hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thì người đó có thể bỏ phiếu biểu quyết theo những ý kiến khác nhau dựa trên các chỉ thị khác nhau của các Cổ Đông và/hoặc các Đại Diện Theo Ủy Quyền đã chỉ định hợp lệ người đó là Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền. Để tạo điều kiện biểu quyết của người đó, nếu được yêu cầu bởi người đó, Công Ty sẽ cấp cho người đó đủ số phiếu biểu quyết và các tài liệu khác tại cuộc họp của ĐHĐCĐ.

Điều 22. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, Chương trình và Thông báo họp ĐHĐCĐ

- 22.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập bởi HĐQT, trừ khi quy định của Điều 20.3 Điều Lệ này được áp dụng.
- 22.2. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:
- a) Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này;
 - b) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
 - f) Thông báo và gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
- 22.3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp. Công Ty sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.
- 22.4. Các Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Điều 10.3 của Điều Lệ này có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ và các vấn đề kiến nghị

đưa vào chương trình họp.

- 22.5. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo Điều 22.4 nếu:
- a) Đề nghị không được gửi đến đúng hạn, không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có đủ ít nhất 5% Cổ Phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 10.3;
 - c) Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu; và
 - d) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thảo luận và thông qua nghị quyết.
- 22.6. HĐQT phải soạn thảo dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;
- 22.7. Trường hợp tất cả Cổ Đông đại diện 100% số Cổ Phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Đại Diện Được Ủy Quyền tại ĐHĐCĐ, những Nghị quyết được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 23. Điều kiện triệu tập và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ

- 23.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra để cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 23.2. Cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ Đông đại diện trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp ĐHĐCĐ phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 22.2 Điều này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.
- 23.3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 23.4. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ Đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:

- a) Có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và
- b) Có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ Đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ Đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.

23.5. Thẻ thức tiến hành họp:

- a) Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- b) Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp, tùy từng trường hợp, có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đến tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ Đông, Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị thay đổi.

- c) Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- d) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - i. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - ii. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - iii. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- e) Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 23.5(d) của Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

23.6. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại Đại hội:

- a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

23.7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

23.8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

- i. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
- ii. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- iii. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp ĐHĐCĐ.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết.

23.9. Ngoài các trường hợp như quy định nêu trên, Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong trường hợp Cổ Đông bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 24. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

24.1. ĐHĐCĐ thông qua mọi Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản.

- a) Trừ trường hợp quy định tại các Khoản (ii) dưới đây, các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
- b) Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản):
 - i. Loại Cổ Phần và số lượng Cổ Phần của từng loại;

- ii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iii. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty;
 - iv. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
 - v. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công Ty; và
 - vi. Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.
- 24.2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 24.3. Thể thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:
- a) Trong trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Công Ty sẽ phát cho từng Cổ Đông một Thẻ biểu quyết có số đăng ký và tên của Cổ Đông, cùng với số Cổ Phần biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính hoặc bằng hình thức lấy ý kiến hoặc biểu quyết tại chỗ. Chủ tọa có thể đề nghị danh sách Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu để ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp. Thể thức cụ thể tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua.
 - b) Không phụ thuộc vào Điều 149 Luật Doanh Nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - i. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
 - ii. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền lấy ý kiến văn bản đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Công Ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.
 - iii. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

- Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- iv. Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công Ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- v. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- vi. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- c) Việc kiểm phiếu biểu quyết theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính.

Điều 25. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

25.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- f) Số Cổ Đông và tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số Cổ Phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Tên đầy đủ, chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 25.2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng về các nội dung của cuộc họp. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài) có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Nghị quyết, biên bản ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và các tài liệu liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.3 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 151 Luật Doanh Nghiệp. Trong trường hợp này các Nghị quyết của ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

CHƯƠNG VIII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ

- 27.1. Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn năm (05) người và không nhiều hơn mười một (11) người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 155 Luật Doanh Nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn lên tới số nguyên gần nhất. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 27.2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.
- 27.3. Thành viên của HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu một thành

viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do đặc biệt, thì HĐQT có thể báo cáo vấn đề đó tại kỳ họp ĐHĐCĐ kế tiếp để thông báo và thay thế.

27.4. Tư cách thành viên của HĐQT bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Nếu thành viên đó vì bất kỳ quy định nào của Luật Doanh Nghiệp hoặc Pháp Luật bị cấm làm thành viên HĐQT;
- b) Nếu thành viên đó từ chức bằng một thông báo bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công Ty;
- c) Nếu thành viên đó trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp, vắng mặt mà không có sự cho phép của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

27.7. Việc bầu các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của HĐQT

28.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc/và quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao.

28.2. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của TGD và các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác.

28.3. Quyền và nhiệm vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp Luật, Điều Lệ này và các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

- a) Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và việc điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thực tế hoạt động;
- b) Chào bán và/hoặc phát hành Cổ Phần mới hoặc các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hay hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c) Phát hành và chào bán các loại trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định bởi Điều Lệ này, Pháp Luật, cũng như theo quyết định khác của ĐHĐCĐ;
- d) Huy động vốn dưới các hình thức khác phù hợp với quy định Pháp Luật;
- e) Giá chào bán của từng loại Cổ Phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
- f) Mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
- g) Quyết định phương án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

- i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 36.3 và Khoản 36.5 Điều 36 Điều Lệ này;
 - j) Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
 - m) Thành lập Công Ty Con và quyết định các vấn đề có liên quan; quyết định các giao dịch của Công Ty Con do Công Ty là Chủ sở hữu hoặc kiểm soát;
 - n) Lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định các vấn đề liên quan;
 - o) Góp vốn, mua Cổ Phần của các doanh nghiệp khác hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
 - p) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
 - q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định hoặc/và phân cấp giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp quyết định;
 - r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
 - s) Đề xuất mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - t) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
 - u) Định giá tài sản đóng góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm cả vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - v) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các Quy chế khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - w) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này, Pháp Luật và quyết định của ĐHĐCĐ.
- 28.4. HĐQT phải báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 139.3 (c) Luật Doanh Nghiệp và đảm bảo có các nội dung sau:
- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 163.3 Luật Doanh Nghiệp.
 - b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT.

- c) Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT.
 - e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có).
 - f) Kết quả giám sát đối với TGD và những người điều hành khác.
 - g) Các kế hoạch trong tương lai của HĐQT (nếu có).
- 28.5. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hoặc cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác (nếu cần thiết, theo toàn quyền quyết định của HĐQT).
- 28.6. HĐQT có thể giao, phân cấp hoặc ủy quyền cho TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác hoặc bất kỳ người nào khác quyết định, ký kết các tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của HĐQT quy định tại Điều 28.3 của Điều Lệ này với điều kiện không vi phạm điều cấm của Pháp Luật.
- 28.7. Các thành viên của HĐQT có thể được hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT

- 29.1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra một số Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết) và được HĐQT chấp thuận.
- 29.2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD Công ty.
- 29.3. Chủ tịch HĐQT Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết.
 - e) Ký ban hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - f) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - g) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - h) Quyền và nghĩa khác theo quy định của Điều Lệ và pháp luật.
- 29.4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

- 29.5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 29.6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. (Các) Phó Chủ tịch HĐQT được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công Ty

- 30.1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị Công Ty ("**Người Phụ Trách Quản Trị**") để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
- 30.2. Người Phụ Trách Quản Trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- i. Có hiểu biết về pháp luật;
 - ii. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - iii. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và quyết định của HĐQT.
- 30.3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm trợ lý Người Phụ Trách Quản Trị tùy từng thời điểm.
- 30.4. Người Phụ Trách Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của Pháp Luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và KSV;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.

Điều 31. Cuộc họp HĐQT

31.1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (1) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

31.2. Họp thường kỳ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước khi bắt đầu cuộc họp. Sau đó, Chủ tịch có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (1) lần.

31.3. Họp bất thường

Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
 - b) TGD hoặc ít nhất năm (5) Người Điều Hành Doanh Nghiệp;
 - c) Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - d) Ít nhất hai (2) thành viên của HĐQT.
 - e) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty và Cổ Đông.
- 31.4. Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 31.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại khoản 31.3 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.
- 31.5. Địa điểm họp: Cuộc họp HĐQT được tổ chức tại Trụ sở chính của Công Ty hoặc tại một địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam, hoặc với sự đồng ý của HĐQT, ngoài lãnh thổ Việt Nam theo chỉ định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 31.6. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các KSV ít nhất ba (3) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho các thành viên không thể tham dự cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến

được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và KSV được đăng ký tại Công Ty.

- 31.7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

31.8. Biểu quyết

- a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 31.8 (ii) Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT và các người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một (1) phiếu biểu quyết.
- b) Thành viên của HĐQT không biểu quyết về bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận hoặc đề xuất nào mà có quyền lợi của thành viên đó, hoặc liên quan tới các nghĩa vụ của thành viên đó mà xung đột hoặc có thể xung đột với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số đại biểu tối thiểu có mặt tại buổi họp nếu nghị quyết thông qua tại cuộc họp là về vấn đề mà thành viên đó không được phép biểu quyết.
- c) Theo quy định tại Khoản 31.8 (iv) Điều này, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên HĐQT và vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT, vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và quyết nghị của Chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- d) Bất kỳ thành viên HĐQT nào liên quan tới hợp đồng theo quy định tại Điều 36.3 và 36.5 của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

31.9. Công khai lợi ích

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên đó biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

31.10. Biểu quyết đa số

HĐQT sẽ thông qua và ra Nghị quyết theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp trừ trường hợp bất nhiệm TGD như được quy định tại Điều 33.5 của Điều Lệ này. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

31.11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch, những phiếu thông qua fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính

thức của Công Ty ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp.

31.12. Hợp thông qua điện thoại hoặc hình thức khác

Cuộc họp HĐQT có thể dưới hình thức hội nghị giữa các thành viên HĐQT, trong đó một số hoặc tất cả thành viên ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hội nghị hoặc hình thức thông tin liên lạc khác (có thể đang được sử dụng khi thông qua Điều Lệ này hoặc được phát triển sau này) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều Lệ này, từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo cách thức quy định tại điều khoản này được xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào như vậy, thì địa điểm sẽ được xác định là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Nghị quyết được thông qua trong cuộc họp tổ chức dưới hình thức họp qua điện thoại hoặc hình thức khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nhưng các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này phải xác nhận theo mẫu văn bản của Công Ty.

31.13. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- a) Chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày đến hạn gửi phiếu lấy ý kiến, Chủ tịch HĐQT gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
- b) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong thông báo lấy ý kiến bằng cách gửi phiếu biểu quyết về Công Ty;
- c) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban để kiểm tra kết quả kiểm phiếu;
- d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

31.14. Biên bản cuộc họp

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh Nghiệp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung Biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

31.15. Những người tham dự khác

TGD, các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết, trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.

31.16. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ

THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức hoạt động

Công Ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT. Công Ty sẽ có TGD, một số Phó TGD và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

Điều 33. Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Doanh Nghiệp và Thư ký Công Ty

33.1. Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc người khác làm TGD và ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi và các quy định lao động khác đối với TGD. Mức lương, thưởng, ưu đãi cho TGD phải được báo cáo lên ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công Ty.

33.2. Nhiệm kỳ Tổng Giám Đốc

TGD không đồng thời là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của TGD là năm (5) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều 162 Luật Doanh Nghiệp;

Nếu nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm.

33.3. Quyền và trách nhiệm Tổng Giám Đốc

TGD có thẩm quyền quyết định những vấn đề sau đây:

- a) Xây dựng và đệ trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty cho HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ; Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của Công Ty được phê duyệt bởi HĐQT hoặc/và ĐHĐCĐ;

- b) Điều hành và quyết định các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Một hoạt động sẽ được coi là hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty nếu như hoạt động đó không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hay của HĐQT;
 - c) Quyết định phương án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - d) Quyết định các hợp đồng mua, bán bất động sản; giao dịch đảm bảo hoặc bồi thường và các hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh bất động sản, marketing của Công Ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ/HĐQT;
 - e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh quản lý không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT;
 - f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công Ty, kể cả các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD;
 - g) Quyết định tuyển dụng lao động;
 - h) Đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công Ty;
 - i) Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó;
 - j) Trong thời gian sớm nhất có thể, trước cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
 - k) Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, ủy quyền hoặc phân cấp của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và Pháp Luật; và
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty, các Nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công Ty.
- 33.4. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ Đông: TGD chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.
- 33.5. Bãi nhiệm Tổng Giám Đốc
- HĐQT có thể bãi nhiệm TGD thông qua phiếu biểu quyết đại diện cho hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính TGD) và bổ nhiệm TGD mới thay thế. TGD bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm tại kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.
- 33.6. Người Điều Hành Doanh Nghiệp
- a) Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Điều Hành Doanh Nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do TGD đề xuất tùy từng thời điểm. Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra;

m

- b) Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

33.7. Thư ký Công Ty

HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:

- a) Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;
- b) Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và KSV;
- f) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
- g) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- h) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông;
- i) Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch HĐQT tại từng thời điểm.
- k) Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

Điều 34. Lao động

- 34.1. HĐQT quyết định tổng số nhân viên và quỹ lương của Công Ty. TGD trong giới hạn, sẽ toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công Ty. Đối với những vị trí quan trọng như Kế toán trưởng hoặc các vị trí khác được HĐQT xác định, TGD phải có được sự đồng ý của HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký hợp đồng lao động với họ.
- 34.2. Lương, thưởng và các chế độ khác của nhân viên được TGD quyết định theo quy chế lương được HĐQT phê duyệt.
- 34.3. HĐQT chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công Ty. HĐQT có quyền dự thảo các quy chế nội bộ của Công Ty ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty. Các quy chế này phải được HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

- 35.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 35.2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 35.3. Thành viên của HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin..
- 35.4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- 35.5. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Giao dịch giữa Công Ty với Người có liên quan, Cổ Đông, Người Quản Lý và Người có liên quan của các đối tượng này

- 36.1. Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân.
- 36.2. Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân trừ trường hợp Cổ Đông là Công Ty Con trong trường hợp Công Ty Con là công ty không có Cổ Phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua Cổ Phần của Công Ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- 36.3. Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của Cổ Đông là tổ chức, trừ trường hợp Công Ty và người có liên quan của Cổ Đông đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ thông qua nếu giá trị giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và phải được HĐQT thông qua nếu giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 36.4. Công Ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận:
 - a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác không phải là Cổ Đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác mà Công Ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì ĐHĐCĐ chấp thuận các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- b) Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau:
 - i. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - ii. Cổ Đông, Người Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.
- c) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó.

36.5. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:

- a) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 36.4 (a) Điều này mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 36.4 (b) Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- c) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 36.4 (c) Điều này có giá trị bằng hoặc dưới 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường

- 37.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Điều Hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 37.2. Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện), nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Điều Hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công Ty (hoặc Công Ty Con của Công Ty) ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu/ủy quyền của Công ty (hoặc Công Ty Con của Công Ty) hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 37.3. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát

- 38.1. Số lượng KSV của Công Ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 38.2. BKS sẽ có các quyền và trách nhiệm theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- a) Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty;
 - b) Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c) Giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và Người Quản Lý khác;
 - d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e) Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- 38.3. Việc biểu quyết bầu KSV phải được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu, hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.
- 38.4. Thành viên HĐQT, Người Điều Hành Doanh Nghiệp phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan tới hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của BKS và thư ký phải đảm bảo rằng bản sao của tất cả các tài liệu tài chính và thông tin được cung cấp cho thành viên của HĐQT và biên bản các cuộc họp HĐQT, được cung cấp cho các KSV vào cùng thời điểm với HĐQT.
- 38.5. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 38.6. Trưởng Ban Kiểm soát do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
- a) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;
 - b) Yêu cầu Công Ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;
 - c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.

- 38.7. BKS có thể, sau khi tham vấn cùng HĐQT, ban hành quy chế cho các cuộc họp BKS và cách thức tổ chức hoạt động nhưng sẽ không ít hơn 2 cuộc họp mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu tại mỗi cuộc họp sẽ bằng 2/3 tổng số thành viên của BKS. Mỗi thành viên của BKS sẽ có quyền biểu quyết đối với bất kỳ vấn đề nào được trình lên BKS để quyết định, trừ khi thành viên đó có lợi ích trong vấn đề liên quan và lợi ích đó xung đột với lợi ích của Công Ty. BKS sẽ thông qua các nghị quyết và đưa ra các quyết định bằng đa số (bằng hoặc nhiều hơn 50%) KSV có mặt (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và có quyền biểu quyết đối với vấn đề đó. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Trưởng Ban Kiểm soát.
- 38.8. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Khoản 38.5 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 38.9. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 38.10. KSV được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 39.1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cập trong Điều 10.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty về danh sách Cổ Đông gần nhất, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao được chứng thực hợp lệ của giấy ủy quyền này.
- 39.2. Thành viên HĐQT, KSV, TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác có quyền kiểm tra Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 39.3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa

điểm lưu trữ các giấy tờ này.

- 39.4. Cổ Đông có quyền được Công Ty cấp một bản Điều Lệ Công Ty miễn phí. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử riêng, Điều Lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

- 40.1. Trong bất kỳ năm tài chính nào, Công Ty có thể trả cổ tức cho các Cổ Đông với điều kiện Công Ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp Luật, cũng như đã nộp vào các quỹ và ngay sau khi trả hết cổ tức, Công Ty vẫn đủ khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 40.2. Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và thanh toán từ lợi nhuận giữ lại của Công Ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ Đông tại ĐHĐCĐ.
- 40.3. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, HĐQT có thể trả cổ tức tạm thời nếu thấy rằng việc thanh toán đó là phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty. Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 40.4. Theo đề nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ có thể phê duyệt việc trả cổ tức toàn bộ hoặc một phần bằng tài sản cụ thể (có thể là Cổ Phần đã mua hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết này.
- 40.5. Bất kỳ cổ tức hoặc khoản thanh toán nào bằng tiền mặt hoặc Cổ Phần sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng nếu Công Ty có chi tiết tài khoản của Cổ Đông để Công Ty có thể thực hiện việc chuyển khoản số tiền đó tới tài khoản của Cổ Đông đó, hoặc bằng hình thức gửi séc tới địa chỉ của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, nếu Công Ty không có thông tin về tài khoản của Cổ Đông.
- 40.6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông) thì Cổ Đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công Ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông nhằm cho phép Công Ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc VSD.
- 40.7. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ Phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ Phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ Phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ Phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ Phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

- 40.8. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu của các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 40.9. Công Ty sẽ thanh toán cổ tức cho Cổ Đông ưu đãi phù hợp với thời hạn và điều kiện ghi trong (các) chứng chỉ của Cổ Phần ưu đãi đó.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản Ngân hàng

- 41.1. Công Ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam phù hợp với Pháp luật.
- 41.2. Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài, nếu cần thiết.
- 41.3. Công Ty thực hiện mọi việc thanh toán và kế toán qua các tài khoản bằng tiền Việt nam hoặc ngoại tệ tại Ngân hàng nơi Công Ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

Điều 43. Báo cáo và Chế độ Kế toán

- 43.1. Công Ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ Chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính duyệt và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
- 43.2. Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VNĐ. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HĐQT yêu cầu.
- 43.3. Công Ty lưu trữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
- 43.4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi TGD và Kế toán trưởng.

Điều 44. Đầu tư Tài chính trong tương lai

- 44.1. Các Cổ Đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công Ty.
- 44.2. Công Ty có thể tăng vốn, phát hành Cổ Phần ra công chúng và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều Lệ

Hàng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ

sung vốn Điều Lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều Lệ của Công Ty.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 46. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 46.1. Công Ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều Lệ này và trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt cùng các tài liệu kèm theo lên cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp Luật.
- 46.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công Ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty Con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 46.3. Công Ty phải lập các báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng Khoán. Báo cáo tài chính quý không phải kiểm toán.
- 46.4. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quý và sáu (6) tháng của Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- 46.5. Các Cổ Đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công Ty, tại trụ sở chính của Công Ty sau khi thông báo trước cho Công Ty năm (5) ngày làm việc và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
- 46.6. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng
- Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan có thẩm quyền theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành.

Điều 46A. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 47. Kiểm toán

- 47.1. Trong trường hợp Pháp Luật yêu cầu hoặc khi cần thiết, một công ty kiểm toán có uy tín hoặc đủ điều kiện theo quy định của Pháp Luật sẽ được TGD chỉ định/lựa chọn là công ty kiểm toán chính thức thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện và điều khoản thoả thuận với Công Ty. Chi phí cho việc kiểm

m

toán sẽ do Công Ty chịu.

- 47.2. Công Ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi hết năm tài chính.
- 47.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 47.4. Một bản sao báo cáo kiểm toán sẽ được đính kèm và là một phụ lục của báo cáo kế toán hàng năm của Công Ty.
- 47.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHCĐ mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 48. Con dấu

- 48.1. HĐQT quyết định hình thức, nội dung, số lượng và việc sử dụng con dấu tùy từng thời điểm và theo quy định của Pháp Luật.
- 48.2. TGD Công Ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.

Điều 49. Bảo mật

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Người Điều Hành Doanh Nghiệp, Cổ Đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

- 49.1. Công ty thành viên của Công Ty (nếu có); hoặc
- 49.2. Các Cổ Đông theo như quy định tại Điều Lệ này hoặc Nghị quyết của ĐHCĐ; hoặc
- 49.3. Người Điều Hành Doanh Nghiệp và nhân viên của Công Ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 49.4. Các Cổ Đông hoặc giám đốc (hoặc tổng giám đốc) của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 49.5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 49.6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan tòa án hoặc cơ quan

nhà nước có thẩm quyền; hoặc

- 49.7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ Đông liên quan.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

50.1. Công Ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó;
- b) Theo phán quyết của các Tòa án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công Ty theo quy định Pháp Luật hiện hành;
- c) Chấm dứt trước thời hạn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- d) Bị thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- e) Không đủ số lượng Cổ Đông tối thiểu theo quy định của Pháp Luật trong thời gian liên tục sáu (6) tháng liên tiếp; hoặc
- f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

50.2. Nghị quyết giải thể Công Ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 208 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 51. Gia hạn thời hạn hoạt động

- 51.1. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn theo quy định tại Điều 3.6 Điều Lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công Ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để các Cổ Đông biểu quyết về việc thay đổi Thời Hạn hoạt động theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.
- 51.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% số Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 52. Thanh lý

- 52.1. Ít nhất sáu (6) tháng sau khi có Nghị quyết giải thể Công Ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý bao gồm ba (3) thành viên và phải đưa ra trách nhiệm của Ban thanh lý. Hai (2) thành viên sẽ được chỉ định bởi ĐHĐCĐ và một (1) thành viên được chỉ định bởi HĐQT từ một công ty kiểm toán độc lập. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty

m

- 52.2. Ban thanh lý chịu trách nhiệm báo cáo với Phòng đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ khi đó, Ban thanh lý sẽ đại diện Công Ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 52.3. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp luật.
- 52.4. Quá trình hoạt động của Ban thanh lý không được kéo dài quá sáu (6) tháng kể từ ngày được thành lập. Quá thời hạn trên, cho dù việc thanh lý vẫn chưa được hoàn thành, thì Ban thanh lý vẫn phải chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, các Cổ Đông sẽ tự giải quyết các vấn đề còn lại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết theo Điều 55 của Điều Lệ này.

Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ Đông

Trừ khi Điều Lệ này có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ từ 51% số Cổ Phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết trong việc bầu thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể Công Ty theo một hay một số các căn cứ sau đây, sau khi ĐHCĐ đã được tiến hành tuy đạt được từ 51% tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành nhưng không đủ số phiếu cần thiết theo Điều 24.1(b) của Điều Lệ để thông qua việc giải thể theo phương án của nhóm Cổ Đông này:

- i. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
- ii. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- iii. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai (2) hoặc nhiều nhóm Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

CHƯƠNG XVII

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 54. Thông báo

- 54.1. Bất kỳ thông báo nào theo Điều Lệ này sẽ được lập thành văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh.
- 54.2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
- a) Nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
 - b) Nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba (3) ngày sau ngày gửi (hoặc bảy (7) ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt nam); hoặc
 - c) Nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám (8) tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
- 54.3. Trường hợp Cổ Đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.
- 54.4. Công Ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ

Đăng Ký Cổ Đông và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ Đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ Đông đó.

Điều 55. Giải quyết tranh chấp

55.1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:

- a) Cổ Đông và Công Ty; hoặc
- b) Cổ Đông và HĐQT, BKS, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác.
thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một hòa giải viên để hành động với tư cách trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.

55.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc đề nghị hòa giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC), để có quyết định cuối cùng theo các quy định hiện hành của Quy Tắc Trọng Tài của VIAC có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn theo hướng dẫn như sau:

- a) Địa điểm: Hà Nội.
- b) Ngôn ngữ tố tụng: Tiếng Việt.
- c) Số lượng Trọng tài viên: Ba (3) trọng tài viên. Mỗi bên tham gia vào tranh chấp sẽ chỉ định một trọng tài viên và trọng tài viên thứ ba sẽ được chỉ định bởi hai trọng tài viên đã được chỉ định, hoặc bởi VIAC, theo Quy Tắc Trọng Tài của VIAC, đóng vai trò Chủ tịch Hội đồng trọng tài.
- d) Phán quyết: Phán quyết trọng tài sẽ là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc thi hành với các bên.
- e) Chi phí: Chi phí trọng tài sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi được quy định khác theo phán quyết.
- f) Thi hành: Bên thắng kiện theo phán quyết có thể yêu cầu tòa án (bao gồm cả tòa án nơi mà bên thua có tài sản) hoặc cơ quan tư pháp thi hành phán quyết trọng tài.

CHƯƠNG XVIII

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 56. Sửa đổi bổ sung Điều Lệ

- 56.1. Việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được thực hiện theo Điều 24.1(b) của Điều Lệ này.
- 56.2. Bất kỳ quy định Pháp Luật nào liên quan tới hoạt động của Công Ty mà không được quy định tại Điều Lệ này hoặc có quy định Pháp Luật mới ban hành mà trái với Điều Lệ này thì quy định mới đó sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 57. Ngày hiệu lực

- 57.1. Điều Lệ này gồm 18 chương với 57 Điều là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty, thay thế các bản Điều lệ ban hành trước đây cùng các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- 57.2. Công Ty sẽ cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục của Điều Lệ theo quy định nội bộ của Công Ty về việc cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục và theo quy định của Pháp Luật.

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHẠM THIỀU HOA

Phụ lục 1

Danh sách Cổ Đông sáng lập

TT	Tên Cổ Đông sáng lập	Địa chỉ trụ sở	Giấy chứng nhận ĐKDN, nơi cấp, ngày cấp	Số lượng Cổ Phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1.	TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP	Số 7 Đường Băng Lãng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	GCN ĐKDN: 0101245486 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/05/2002	2.333.164.250	23.331.642.500.000	69,66%